

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;

2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 52/QĐST ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh N, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Khánh N trình bày thể hiện: Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N tự tìm hiểu yêu thương, ông, bà tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1990, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân An theo giấy kết hôn số: 125, ngày 04/9/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn:

Theo bà N là do ông N thường rượu chè và cờ bạc, bà N nhiều lần khuyên can nhưng không được, vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau. Bà N nhận thấy tình cảm không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được xin ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa bà N với ông N có 05 đứa con chung gồm: Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 05/4/1991 (đã trưởng thành), Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/6/1993 (đã trưởng thành), Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/6/1995 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/8/2004 và Nguyễn Quốc N, sinh ngày 07/6/2012. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cháu N và cháu N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu N và cháu Quốc N muốn được sống chung với bà N.

- Về tài sản chung: Giữa bà N với ông N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: Giữa bà N với ông N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không được, do ông N vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Khánh N giữ nguyên yêu cầu. Ông N vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Khánh N xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác, ông N không cung cấp thêm chứng cứ.

Biên bản xác minh ngày 25/02/2021 của ban nhân ấp Tân Phú B, xã Tân An thể hiện, về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào năm 1990. Đến năm 2002 thì bà N với ông N mới đi đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân An, ông N thường chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ông N thường ghen tuông với bà N vô cớ, gần đây ông N hăm dọa đánh bà N, ông N có hành vi bạo lực gia đình. Bà N với ông N sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được Tòa án cho bà N với ông N ly hôn là hợp lý.

Biên bản xác minh ngày 25/02/2021 của Công an xã Tân An cung cấp như sau: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 có hộ khẩu chung với hộ khẩu bà Nguyễn Thị Khánh N tại tổ 15, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ông N vẫn còn chung hộ khẩu với bà N tại địa chỉ trên và ông N đang có mặt ở địa phương.

Hội đồng xét xử công bố, bản tự khai và biên bản xác minh ngày 24/02/2021 của Hội phụ nữ xã Tân An, biên bản xác minh ngày 25/02/2021 của Công an xã Tân An và biên bản xác minh ngày 25/02/2021 của Ban nhân ấp Tân Phú B, xã Tân An.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn. Là hôn nhân hợp pháp, hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn nghiêm trọng, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân nhân không đạt được, đề nghị cho bà N ly hôn với ông N là hợp lý.

Về con chung: Bà N với ông N có với nhau 05 đứa con chung, 03 đứa đã trưởng thành, riêng cháu N và cháu Quốc N còn nhỏ, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu ông N cấp dưỡng, nguyện vọng của cháu N và cháu N muốn được sống với bà N. Đề nghị giao hai cháu cho bà N nuôi dưỡng là hợp lý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Khánh N “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 25/02/2021 của Công an xã Tân An cung cấp như sau: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 có hộ khẩu chung với hộ khẩu bà Nguyễn Thị Khánh N tại tổ 15, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ông N vẫn còn chung hộ khẩu với bà N tại địa chỉ trên và ông N đang có mặt ở địa phương.

Sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn N, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng ông N vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N tự tìm hiểu yêu thương, ông, bà tự nguyện về sống chung với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân An theo giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 04/9/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn:

Theo bà N là do ông N thường rượu chè và cờ bạc, bà N nhiều lần khuyên can nhưng không được, vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau. Bà N nhận thấy tình cảm không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông N.

Biên bản xác minh ngày 25/02/2021 của ban nhân ấp Tân Phú B, xã Tân An thể hiện, về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào năm 1990. Đến năm 2002 thì bà N với ông N mới đi đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân An, ông N thường chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ông N thường ghen tuông với bà N vô cớ, gần đây ông N hăm dọa đánh bà N, ông N có hành vi bạo lực gia đình. Bà N với ông N sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được Tòa án cho bà N với ông N ly hôn là hợp lý.

Như vậy cho thấy về tình cảm giữa bà N với N không còn, hai người sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N xin ly hôn với ông N xét thấy phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX cho bà N ly hôn với ông N là hợp lý.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa bà N với ông N có 05 đứa con chung gồm: Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 05/4/1991 (đã trưởng thành) Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/6/1993 (đã trưởng thành) Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/6/1995 (đã trưởng thành) Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/8/2004 và Nguyễn Quốc N, sinh ngày 07/6/2012. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cháu N và cháu N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu N và cháu Quốc N muốn được sống chung với bà N.

Như vậy 03 cháu L, V và T đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Trúc N và Nguyễn Quốc N thì bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của hai cháu muốn được sống với bà N.

Xét điều kiện, hoàn cảnh Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/8/2004 và Nguyễn Quốc N, sinh ngày 07/6/2012 cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của bà N mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Khánh N khai giữa bà với ông N không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này ông N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N với bà N có tài sản, nợ chung thì ông N vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Khánh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU/2019/0005482 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Khánh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Giấy chứng nhận kết hôn số: 125, ngày 04/9/2002, do Ủy ban nhân dân xã Tân An cấp cho bà Nguyễn Thị Khánh N với ông Nguyễn Văn N không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 14/8/2004 và Nguyễn Quốc N, sinh ngày 07/6/2012 cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của bà N mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với các cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 05/4/1991; Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/6/1993; Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/6/1995 đều trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nếu sau này ông N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N với bà N có tài sản, nợ chung thì ông N vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Khánh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà N được chuyển từ

tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU 2019/ 0005482 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Khánh N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh